

SỞ Y TẾ GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ AYUNPA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ CHƯA ĐƯỢC TÍNH CHI PHÍ VÀO GIÁ CỦA DỊCH VỤ KỸ THUẬT, KHÁM BỆNH, NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ
HOẶC THU TRỌN GÓI THEO TRƯỜNG HỢP BỆNH
SỬ DỤNG TẠI : TT Y TẾ THỊ XÃ AYUNPA NĂM 2024**

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
1	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Băng đai xương đòn Số 6		Số 6	Gia Hưng	Việt Nam	Cái	51.750	51.750		10	
2	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Băng đai xương đòn Số 7	0	Gói/ 1 cái	Gia Hưng	Việt Nam	Cái	22.470	22.470		10	
3	N03.01.020.1024.000.0015	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm Tiêm 10cc (MSTT87)	010123	Hộp 100 cái	Tanapha	Việt Nam	Cái	1.050	1.050		20000	
4	N03.01.020.0976.000.0002	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm Tiêm 20ml (MSTT87)	0123	Hộp/50 cái	MPV	Việt Nam	Cái	2.400	2.400		2400	
5	N03.01.020.1024.000.0034	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm Tiêm 50cc (MSTT87)			Tanaphar	Việt Nam	Cái	4.850	4.850		150	
7	N03.01.020.0976.000.0002	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm Tiêm 5ml (MSTT295)	0	1 chiếc/ Túi	Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam	Việt Nam	Cái	730	730		40000	
8	N03.01.020.1024.000.0015	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm Tiêm Sử Dụng Một Lần 10ml (G1-RR)		Cờ kim 23G, 25G	Tanapha	Việt Nam	Cái	980	980		30000	
10	N03.01.020.0976.000.0002	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm 10ml (MSTT)	0522	Hộp/100 cái	MPV	Việt Nam	Cái	1.150	1.150		10000	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
11	N03.01.070.045.00005	Bơm Tiêm (Syringe) Dùng Một Lần Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm 20ml	0	Hộp/100 cái. 23G x 1"	Vikimco	Việt Nam	Cái	2.099	2.099		500	
12	N03.01.070.045.00006	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm 50ml	0	Hộp/25 cái. Thông số 50 ml	Vikimco	Việt Nam	Cái	4.638	4.638		100	
13	N03.01.070.0976.000.0024	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 50ml	Bơm tiêm 50ml (MSTT)	0	1 cái/ túi	MPV	Việt Nam	Cái	4.490	4.490		150	
15	N03.01.070.0976.000.0006	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm 5ml (MSTT)	0422	Hộp/100 cái	MPV	Việt Nam	Cái	780	780		30000	
17	N03.01.070.250.00003	Bơm Tiêm (Syringe) Dùng Một Lần Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 10ml	0	10ml - kim 23 Hộp 100 cái	Vinahankook	Việt Nam	Cái	920	920		50000	
18	N03.01.070.045.00004	Bơm Tiêm (Syringe) Dùng Một Lần Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 10ml	0	23G x 1". Hộp 100 cái	Vikimco	Việt Nam	Cái	928	928		80000	
20	N03.01.010.250.00003	Bơm Tiêm (Syringe) Dùng Một Lần Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 50cc		Hộp 25 cái	Vinahankook	Việt Nam	Cái	4.957	4.957		200	
21	N03.01.010.250.00002	Bơm Sử Dụng Để Bơm Thức Ăn Cho Người Bệnh Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 50cc cho ăn		Hộp 25 cái	Vinahankook	Việt Nam	Cái	7.400	7.400		50	
22	N03.01.070.045.00006	Bơm Tiêm (Syringe) Dùng Một Lần Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 50ml		50ml, tiêm Hộp 25 cái	Vinahankook	Việt Nam	Cái	3.800	3.800		300	
23	N03.01.010.045.00001	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 50ml (cho ăn) có kim	0	Bơm tiêm nhựa 50ml	Vikimco	Việt Nam	Cái	4.200	4.200		50	
24	N03.01.010.045.00001	Bơm Sử Dụng Để Bơm Thức Ăn Cho Người Bệnh Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 50ml cho ăn	0		Cửu Long	Việt Nam	Cái	3.888	3.888		700	
25	N03.01.010.045.00001	Bơm Sử Dụng Để Bơm Thức Ăn Cho Người Bệnh Các Loại, Các Cỡ	Bơm tiêm nhựa 50ml, ăn		Hộp 25 cái	Vikimco	Việt Nam	Cái	3.800	3.800		300	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
27	N03.01.040.024.00001	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm điện 50ml	0	50ml	B.Braun	Thụy Sĩ	Cái	15.602	15.602		300	
28	N03.01.040.230.00003	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm điện 50ml	0	50ml	Terumo	Nhật Bản	Cái	20.000	20.000		500	
29	N03.01.040.1024.000.0001	Bơm tiêm sử dụng một lần Tanaphar (kích cỡ: 50ml, đầu xoắn, không kim, sử dụng cho máy bơm tiêm điện)	Bơm tiêm điện 50ml (CDT)	0	50ml, dùng cho máy bơm tiêm điện	Tanapha	Việt Nam	Cái	7.700	7.700		300	
30	N03.01.040.024.00001	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm điện Braun		Bì 1 cái	B.Braun	Đức	Cái	25.800	25.800		200	
31	N03.05.010.167.00003	Bộ dây truyền dịch MPV kim 2 cánh bướm M2	Bộ dây truyền dịch MPV Kim 2 cánh bướm		Dài 1500mm, Bì 25 bộ	MPV	Việt Nam	Bộ	6.000	6.000		20000	
34	N03.05.050.1870.115.0001	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)	Dây Nối Bơm Tiêm (140cm) (CDT86)	0	Hộp 40 cái	Disposafe Health and Life Care Ltd	Ấn Độ	Cái	9.200	9.200		250	
35	N04.03.030.327.00001	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây Oxy hai nhánh người lớn		Bì 1 cái	Suzhou yudumedical	China	Cái	6.300	6.300		100	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
36	N04.03.030.3262.279.0001	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây Thở Oxy 02 Nhánh Trẻ Em, Trẻ Sơ Sinh(MSTT87)		2 nhánh, trẻ em và sơ sinh	Greetmed	Trung Quốc	Bộ	7.500	7.500		500	
37	N04.03.030.3262.279.0001	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây Thở Oxy 02 Nhánh Trẻ Em, Trẻ Sơ Sinh(MSTT87)	0	2 nhánh, trẻ em và sơ sinh	Greetmed	Trung Quốc	Bộ	7.500	7.500		500	
38	N04.03.030.098.00002	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây Thở Oxy Người Lớn (MSTT87)	20220630	Túi 1 bộ	Greetmed	Trung Quốc	Cái	6.200	6.200		600	
39	N03.05.010.1640.000.0005	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	Dây Truyền Dịch (MSTT87)	5133	Bì 1 bộ	Omiga	Việt Nam	Cái	4.200	4.200		5000	
40	N03.05.010.3766.279.0008	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	Dây Truyền Dịch - Infusion Set (G1-RR)		Chất liệu nhựa PVC. Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm.	Shangdong Yiguang Medical Instruments	Trung Quốc	Dây	3.500	3.500		10000	
42	N03.05.030.3262.279.0001	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ	Dây Truyền Máu (MSTT87)	0	25 sợi/ Bịch	Greetmed	Trung Quốc	Cái	8.000	8.000		500	
43	N03.05.050	Dây Truyền Dịch Dùng Cho Máy Truyền Tự Động	Dây nối bơm tiêm điện	0	1 Cái/ Bịch	Omega	Việt Nam	Cái	14.000	14.000		1000	
45	N04.03.030.0976.000.0004	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em (MSTT)	0522	Thùng/100 sợi	MPV	Việt Nam	Sợi	6.000	6.000		500	
46	N04.03.030.258.00001	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây thở Oxy MPV trẻ em		Thùng/100 sợi	MPV	Việt Nam	Bộ	6.000	6.000		100	
47	N04.03.030.0976.000.0010	Dây thở oxy MPV người lớn	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn (MSTT)	0	Bì 1 cái	MPV	Việt Nam	Cái	6.000	6.000		400	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
48	N04.03.030.098.00003	Bộ Dây Thờ Ô-xy Dùng Một Lần	Dây thờ oxy 2 nhánh trẻ em	0	Dài 2.200mm	Greetmed	Trung Quốc	Cái	6.000	6.000		200	
49	N04.03.030.0976.000.0009	Dây thờ oxy MPV trẻ em	Dây thờ oxy 2 nhánh trẻ em (MSTT)	0	Bì/ 1 cái	MPV	Việt Nam	Cái	6.000	6.000		150	
50	N04.03.030.3262.279.0001	Dây oxy 2 nhánh	Dây thờ oxy Sơ sinh (MSTT)	0	Gói/ 1 sợi	Greetmed	Trung Quốc	Dây	6.500	6.500		30	
51	N03.05.010.1154.000.0001	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)	Dây truyền dịch (MSTT)	221279	Thùng/100 bộ	Perfect	Việt Nam	Bộ	8.500	8.500		5000	
53	N03.05.060.3262.279.0001		Khóa 3 Ngã (G1-RR)		3 chạc + dây. Các mũi tên có mã màu chỉ	Ningbo Greetmed	Trung Quốc	Cái	5.000	5.000		200	
54	N03.05.060.3262.279.0001	Khóa 3 ngã có dây	Khóa 3 chạc có dây (MSTT)	0		Greetmed	Trung Quốc	Cái	3.640	3.640		50	
55	N03.05.060.262.00001	Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ	Khóa ba chạc	0	Hộp/50 cái	Disposafe	India	Cái	3.150	3.150		500	
56	N03.05.010.3262.279.0003	Khóa ba chia	Khóa ba chạc không dây (CDT)		Bì 1 cái	Greetmed	Trung Quốc	Cái	4.300	4.300		150	
57	N03.02.020.0884.000.0003	Kim Cánh Bướm Các Loại, Các Cỡ	Kim Cánh Bướm Vô Trùng Sử Dụng Một Lần (CDT86)	0	Hộp 50 cái	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	1.450	1.450		200	
58	N03.02.070.3520.115.0045	Kim Luân Mạch Máu Các Loại, Các Cỡ	Kim Luân Số 20 (MSTT87)	82080220 K	Số 20	Poly Medicure	Ấn Độ	Cái	3.350	3.350		500	
59	N03.02.070.3520.115.0046	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	Kim Luân Tĩnh Mạch - Polyflon 22G (MSTT295)		Hộp/ 50 Cái	Poly Medicure	Ấn Độ	Chiếc	4.200	4.200		2000	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
61	N03.02.070.3520.115.0047	Kim Luân Mạch Máu Các Loại, Các Cỡ	Kim Luân Tĩnh Mạch - Polyflon 24G (G1-RR)		Số 24G	Poly Medicure Limited	Ấn Độ	Cái	2.900	2.900		10000	
62	N03.02.070.1870.115.0009	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	Kim Luân Tĩnh Mạch Các Số (Số 24)(MSTT87)	0	Số 24	Disposafe Health and Life Care Ltd	Ấn Độ	Cái	4.200	4.200		5000	
63	N03.02.070.4388.205.0002	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	Kim Luân Tĩnh Mạch Số 26 (INNOCATH I.V CATHETER - WELCARE)		Gói/1 cái	WELFORD	Malaysia	Cái	9.000	9.000		300	
65	N03.02.060.1024.000.0001	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim Lấy Thuốc Số 18 (MSTT87)	0322	Hộp 100 cái	Tanapha	Việt Nam	Cái	350	350		10000	
67	N03.02.060.0976.000.0003	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim Tiêm MPV (Kim 18G) (MSTT 295)		10000 chiếc/ Kịch	Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam	Việt Nam	Cái	440	440		20000	
69	N03.02.060.1024.000.0008	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim Tiêm Tanaphar Số 18 (MSTT 51)	0	Hộp 100 cái	Tanaphar	Việt Nam	Cái	461	461		10000	
70	N03.02.070.3520.115.0047	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	Kim luân số 24		Số 24	Poly Medicure	Ấn Độ	Cái	3.350	3.350		2000	
71	N03.02.070.151.00004	Kim Luân Mạch Máu Các Loại, Các Cỡ	Kim luân tĩnh mạch 24	0	Số 24	Medikit	Ấn Độ	Cái	4.000	4.000		5000	
73	N03.02.060.045.00002	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim tiêm số 18	0	Kim số 18Gx1 1/2". Hộp 100 cái	Cửu Long	Việt Nam	Cái	310	310		70000	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
74	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cột sống cổ Số 2 (Size M)	0	Số 2	Greetmed	Trung Quốc	Cái	76.500	76.500		10	
75	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cột sống cổ Số 3 (Size L)	0	Số 3	Greetmed	Trung Quốc	Cái	76.500	76.500		10	
76	N07.06.050.3	Nẹp dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng	Nẹp cột sống cổ số 2		Số 2	Việt Nam	Việt Nam	Cái	72.000	72.000		10	
77	N07.06.050.3	Nẹp dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng	Nẹp cột sống cổ số 3		Số 3	Việt Nam	Việt Nam	Cái	69.000	69.000		10	
78	N03.05.030.1124.000.0002	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ	SANGOFIX ES SLIM SPIKE LL 180CM (Dây truyền máu)	22N04K8 43A	Thùng/100 Cái	BBraun	Việt Nam	Cái	25.600	25.600		250	
79	N03.01.040.2747.232.0001	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	TERUMO Syringe (SS*50LE) (Bơm Tiêm Điện)(MSTT87)	0	Hộp/100 cây	Terumo	Nhật Bản	Cái	13.000	13.000		240	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
80	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai cột sống cỡ Số 2	0	Số 2	Gia Hưng	Việt Nam	Cái	75.000	75.000		10	
81	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai cột sống cỡ Số 2	0	Số 2	Gia Hưng	Việt Nam	Cái	85.000	85.000		30	
82	N07.06.050.2	Đai Dùng Trong Chấn Thương - Chỉnh Hình Và Phục Hồi Chức Năng các Loại, Các Cỡ	Đai cột sống cỡ Số 2		Bi 1 cái	Việt Nam	Việt Nam	Cái	85.313	85.313		2	
83	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai cột sống cỡ Số 3	0	Số 3	Gia Hưng	Việt Nam	Cái	75.000	75.000		10	
84	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai cột sống cỡ Số 3	0	Số 3	Gia Hưng	Việt Nam	Cái	85.000	85.000		30	
85	N07.06.050.2	Đai Dùng Trong Chấn Thương - Chỉnh Hình Và Phục Hồi Chức Năng các Loại, Các Cỡ	Đai cột sống cỡ số 3		Số 3	Việt Nam	Việt Nam	Cái	72.000	72.000		10	
88	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hợp 11 lỗ		11 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	367.000	367.000		5	
89	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hợp 11 lỗ		Gói 1 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	461.500	461.500		3	
90	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hợp 6 lỗ		6 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	333.000	333.000		5	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
91	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hẹp 6 lỗ		Gói 1 cái	Medicor	India	Cái	370.500	370.500		5	
92	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hẹp 7 lỗ		7 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	333.000	333.000		5	
93	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hẹp 7 lỗ		Gói 1 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	370.500	370.500		5	
94	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hẹp 9 lỗ		9 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	344.000	344.000		5	
95	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán hẹp 9 lỗ		Gói 1 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	461.500	461.500		5	
96	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán nhỏ 10 lỗ		10 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	287.000	287.000		5	
97	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán rộng			Pakistan	Pakistan	Cái	379.000	379.000		5	
98	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp bán rộng 7 lỗ		Gói 1 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	461.500	461.500		5	
101	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 5 lỗ quay phải		L 5 lỗ quay phải	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	
102	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 5 lỗ quay phải		Bì 1 cái	Medicor	India	Cái	552.400	552.400		2	
103	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 5 lỗ quay trái		L 5 lỗ quay trái	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	
104	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 5 lỗ quay trái		Bì 1 cái	Medicor	India	Cái	552.400	552.400		2	
107	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 7 lỗ quay phải		L 7 lỗ quay phải	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	
108	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 7 lỗ quay phải		Bì 1 cái	Auxein	India	Cái	566.400	566.400		2	
109	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 7 lỗ quay trái		L 7 lỗ quay trái	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	
110	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ L 7 lỗ quay trái		Bì 1 cái	Auxein	India	Cái	566.400	566.400		2	
111	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ T 5 lỗ		5 lỗ dài 100mm	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	
112	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ T 7 lỗ dài 130mm		7 lỗ dài 130mm	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	
113	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp chữ T 9 lỗ		9 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	347.000	347.000		5	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
114	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp chữ T5 lỗ	0	5 lỗ: 67mm	Orthon	Pakistan	Cái	325.000	325.000		5	
115	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp chữ T7 lỗ	0	7 lỗ: 130mm	Orthon	Pakistan	Cái	325.000	325.000		5	
116	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp chữ T9 lỗ	0	9 lỗ	Orthon	Pakistan	Cái	325.000	325.000		5	
117	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp cánh tay 6 lỗ		Bì 1 cái	Atco	Pakistan	Cái	262.500	262.500		10	
118	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng chân 6 lỗ		Gói 1 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	240.750	240.750		10	
119	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng chân 6 lỗ		6 lỗ dài 103mm	Pakistan	Pakistan	Cái	333.000	333.000		5	
120	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp căng chân 8 lỗ	0	8 lỗ dài 135mm	Orthon	Pakistan	Cái	255.000	255.000		5	
121	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng chân 8 lỗ		8 lỗ dài 135 mm	Pakistan	Pakistan	Cái	344.000	344.000		5	
122	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng tay 6 lỗ		Bì 1 cái	Asco	India	Cái	325.000	325.000		10	
123	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng tay 6 lỗ		Bì 1 cái	Asco	India	Cái	338.000	338.000		15	
124	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng tay 8 lỗ		Bì 1 cái	Atco	Pakistan	Cái	219.450	219.450		10	
127	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp căng tay 8 lỗ		8 lỗ	Pakistan	Pakistan	Cái	218.000	218.000		5	
128	N07.06.040.2	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp xương chân 7 lỗ		Bì 1 cái	Asco	India	Cái	465.400	465.400		2	
129	N07.06.040.2	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp xương chữ T 5 lỗ		Bì 1 cái	Medicor	India	Cái	552.400	552.400		2	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
130	N07.06.040.2	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp xương chữ T 7 lỗ		Bì 1 cái	Auxein	India	Cái	566.400	566.400		2	
131	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp xương đùi 10 lỗ lớn	0	10 lỗ lớn	Orthon	Pakistan	Cái	399.000	399.000		5	
132	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp xương đùi 10 lỗ nhỏ	0	10 lỗ nhỏ	Orthon	Pakistan	Cái	399.000	399.000		5	
133	N07.06.040.2	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp xương đùi 12 lỗ		Bì 1 cái	Asco	India	Cái	580.400	580.400		2	
134	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp xương đùi 12 lỗ lớn	0	12 lỗ lớn	Orthon	Pakistan	Cái	399.000	399.000		5	
135	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp xương đùi 8 lỗ bản lớn		Bì 1 cái	Asco	India	Cái	379.850	379.850		10	
136	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp xương đùi 8 lỗ bản lớn		Bì 1 cái	Medicor	India	Cái	492.800	492.800		10	
137	N07.06.040.2	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp xương đùi 8 lỗ		Bì 1 cái	Asco	India	Cái	493.400	493.400		2	
138	N07.06.090	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp xương đùi 8 lỗ bản lớn	0	8 lỗ bản lớn	Orthon	Pakistan	Cái	350.000	350.000		5	
139	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp xương đùi 8 lỗ bản vừa	0	8 lỗ bản vừa	Orthon	Pakistan	Cái	350.000	350.000		5	
140	N07.06.040.2	Nẹp dùng trong phẫu thuật	Nẹp xương đùi 8 lỗ bản vừa	0	8 lỗ bản vừa	Pakistan	Pakistan	Cái	390.000	390.000		5	
141	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương 3,5mm x 18mm	0	3,5mm x 18mm	Orthon	Pakistan	Cái	34.500	34.500		50	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
142	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương 3,5mm x 26mm	0	3,5mm x 26mm	Orthon	Pakistan	Cái	34.500	34.500		50	
143	N07.06.040.5	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xương 3.5mm x 40mm		3.5mm x 40mm	Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	54.000	54.000		20	
144	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương 4,5mm x 42mm	0	4,5mm x 42mm	Orthon	Pakistan	Cái	59.900	59.900		50	
145	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4,5mm x 44mm	0	4,5mm x 44mm Bi/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	37.550	37.550		30	
146	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương 4,5mm x 44mm	0	4,5mm x 44mm Bi/1 cái	Orthon	Pakistan	Cái	59.900	59.900		50	
147	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4,5mm x 46mm		4,5mm x 46mm	Pakistan	Pakistan	Cái	37.550	37.550		30	
148	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương 4,5mm x 46mm	0	4,5mm x 46mm	Orthon	Pakistan	Cái	59.900	59.900		50	
149	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4,5mm x 50mm	0	4,5mm x 50mm	Pakistan	Pakistan	Cái	37.550	37.550		30	
150	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương 4,5mm x 50mm	0	4,5mm x 50mm	Orthon	Pakistan	Cái	59.900	59.900		50	
151	N07.06.040.7	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xương dk 3.5 x 26mm		Bi 5 cái	Auxein	India	Cái	53.400	53.400		20	
152	N07.06.040.5	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xương dk 4.5 x 42mm		Bi 1 cái	Asco	India	Cái	55.900	55.900		20	
153	N07.06.040.5	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xóp 4mmx20mm		Bi 10 cái	Asco	India	Cái	63.525	63.525		20	
154	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 4,5mm x 50mm	0	Bi/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	37.900	37.900		30	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
155	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xóp 4,5mm x 50mm	0	Bi/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	89.000	89.000		50	
156	N07.06.040.5	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 4mm x 35mm		Bi/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	37.900	37.900		30	
157	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xóp 4mm x 35mm	0	4mm x 35mm	Orthon	Pakistan	Cái	79.900	79.900		50	
158	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 4mmx20mm		Bi 10 cái	Atco	Pakistan	Cái	63.525	63.525		10	
159	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6,5mm x 50mm		Bi/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	66.500	66.500		30	
161	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xóp 6,5mm x 50mm	0	Bi/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	89.000	89.000		50	
162	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6,5mm x 65mm		Bi/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	66.500	66.500		30	
163	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xóp 6,5mm x 65mm	0	Bi/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	89.000	89.000		50	
164	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6,5mm x 80mm		Bi/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	66.500	66.500		30	
166	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xóp 6,5mm x 80mm	0	Bi/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	79.900	79.900		50	
167	N07.06.040.7	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xóp 6.5mm x 65mm		Gói 10 cái	Medicor	India	Cái	97.500	97.500		20	
168	N07.06.040.5	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xóp 6.5mm x 65mm		Bi 10 cái	Medicor	India	Cái	105.000	105.000		20	
169	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6.5mm x 80mm		Gói 1 cái	Medicor	India	Cái	97.500	97.500		10	
170	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6.5mm x 80mm		Gói 10 cái	Asco	Ấn Độ	Cái	110.500	110.500		10	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Phân Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
171	N07.06.040.7	Khóa dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6.5mmx75mm		Gói 10 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	80.250	80.250		20	
172	N07.06.040.5	Khóa dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6.5mmx80mm		Gói 10 cái	Asco	India	Cái	110.500	110.500		20	
173	N07.06.040.7	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6.5mmx85mm		Gói 10 cái	medochemie	Ấn Độ	Cái	80.250	80.250		8	
174	N07.06.040.5	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xóp 7.3mm x 85mm		Bì 10 cái	Atco	Pakistan	Cái	407.647	407.647		5	
175	N07.06.040.5	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xóp dk 4.0 x 35mm		Bì 1 cái	Auxein	India	Cái	103.400	103.400		10	
176	N07.06.040.7	Vít Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Vít xóp dk 6.5 x 50mm		Bì 5 cái	Auxein	India	Cái	109.400	109.400		10	
177	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh Kirner 1.8mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	29.800	29.800		50	
178	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh Kirner 2.2mm x 300mm		Hộp/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	29.800	29.800		50	
179	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh Kirner 2.2mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	29.800	29.800		50	
180	N07.06.040.5083.234.0380	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Kirschner Nhọn 2 Đầu 3.0mm X 300mm(CĐT86)		3mm x 300mm	Orthon Innovations	Pakistan	1/10 Cái	67.500	67.500		75	
181	N07.06.040.5083.234.0380	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Kirschner Nhọn 2 Đầu (Đinh Kirschner Số 3mm X 300mm)(MSIT887)		3mm x 300mm	Orthon	Pakistan	cái	67.500	67.500		25	
182	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Krischner 1,8mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	29.900	29.900		80	
183	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Krischner 2,0mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	29.900	29.900		80	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
184	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Krischner 2,2mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	29.900	29.900		80	
185	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Krischner 2,5mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	29.900	29.900		80	
186	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Krischner 3,0mm x 300mm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	29.900	29.900		60	
187	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh Rush xương chày 3,5mm x 30cm		Hộp/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	64.000	64.000		10	
188	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Rush xương chày 3,5mm x 30cm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	80.000	80.000		10	
189	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh Steinmann 5,0 x 200mm	0	Hộp/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	64.000	64.000		10	
190	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Steinmann 5,0 x 200mm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	65.000	65.000		10	
191	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh Steinmann 5.0 x 200mm		Bì 1 cái	Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	115.000	115.000		10	
192	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh rush xương chày 3,5mm x 30cm		Bì 1 cái	Medicor	Ấn Độ	Cái	74.360	74.360		10	
193	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh xương chày 7 x 300mm		Bì 1 cái	Auxein	India	Cái	392.400	392.400		5	
194	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương chày 7mm x 30cm	0	Hộp/10 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		10	
195	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương chày 7mm x 30cm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
196	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương chày 9mm x 32cm	0	Bi/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		10	
197	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương chày 9mm x 32cm	0	Hộp/10 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	
198	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh xương chày 9mm x 360mm		Bi 1 cái	Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	410.000	410.000		10	
199	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh xương đùi 8 x 400mm		Bi 1 cái	Auxein	India	Cái	363.400	363.400		5	
200	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh xương đùi 9 x 400mm		Bi 1 cái	Medicor	India	Cái	363.400	363.400		5	
201	N07.06.040.1	Đinh Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Đinh xương đùi Số 10mm x 320mm		Bi 1 cái	Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	337.500	337.500		10	
202	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi Số 10mm x 36cm		Bi 1 cái	Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	337.500	337.500		10	
203	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi Số 9mm x 34cm		Bi 1 cái	Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	383.500	383.500		5	
204	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi số 10mm x 40cm	0	Bi/1 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	
205	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi số 10mm x 40cm	0	Bi/1 cái	Pakistan	Pakistan	cái	187.000	187.000		5	
206	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi số 8mm x 38cm	0	Bi/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		5	
207	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi số 8mm x 38cm	0	Bi/1 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	
208	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi số 8mm x 40cm		Bi/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		5	
209	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi số 8mm x 40cm	0	Bi/1 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
210	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi số 9mm x 36cm	0	Bì/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		5	
211	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi số 9mm x 36cm	0	Bì/1 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	
212	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi số 9mm x 38cm	0	Bì/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		5	
213	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi số 9mm x 38cm	0		Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	
214	N07.06.040.1	Đinh dùng trong phẫu thuật	Đinh xương đùi số 9mm x 40cm		Bì/1 cái	Pakistan	Pakistan	Cái	187.000	187.000		5	
215	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi số 9mm x 40cm	0	Bì 1 cái	Orthon	Pakistan	Cái	239.900	239.900		10	
216	N07.06.040.5083.234.0380	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Kirschner 1,5mm x 300mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	45.000	45.000		20	
217	N07.06.040.5083.234.0380	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Kirschner 2.5 x 300mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	45.000	45.000		10	
218	N07.06.040.5083.234.0387	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Steiman 3.0mm x 200mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	115.000	115.000		10	
219	N07.06.040.5083.234.0387	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Steiman 3.5mm x 200mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	115.000	115.000		10	
220	N07.06.040.5083.234.0387	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Steiman 4.0mm x 200mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	115.000	115.000		10	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
221	N07.06.040.5083.234.0387	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Steiman 4.5mm x 200mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	115.000	115.000		10	
222	N07.06.040.5083.234.0393	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương chày 8mm x 32cm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	405.000	405.000		5	
223	N07.06.040.5083.234.0390	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi Số 10mm x 30cm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	405.000	405.000		5	
224	N07.06.040.5083.234.0390	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi Số 10mm x 32mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	405.000	405.000		5	
225	N07.06.040.5083.234.0390	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi Số 10mm x 38cm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	405.000	405.000		5	
226	N07.06.040.5083.234.0390	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh xương đùi Số 9mm x 34cm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	405.000	405.000		5	
227	N07.06.040.5083.234.0201	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bản hẹp 6 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	480.000	480.000		10	
228	N07.06.040.5083.234.0201	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bản hẹp 8 lỗ (cẳng chân, cánh tay)		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	480.000	480.000		10	
229	N07.06.040.5083.234.0211	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bản nhỏ 6 lỗ (cẳng tay, Rộng:10mm, dày 2.5-3.3mm)		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	420.000	420.000		10	
230	N07.06.040.5083.234.0211	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bản nhỏ 8 lỗ (cẳng tay, Rộng:10mm, dày 2.2-3.3mm)		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	420.000	420.000		10	
231	N07.06.040.5083.234.0208	Nẹp Dùng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bản rộng (xương đùi) 9 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	635.000	635.000		10	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
232	N07.06.040.5083.234.0208	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bán rộng (xương đùi) 10 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	635.000	635.000		10	
233	N07.06.040.5083.234.0208	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp bán rộng (xương đùi) 11 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	635.000	635.000		10	
234	N07.06.040.5083.234.0416	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp chữ L 5 lỗ quay phải		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	469.000	469.000		10	
235	N07.06.040.5083.234.0416	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp chữ L 5 lỗ quay trái		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	469.000	469.000		10	
236	N07.06.040.5083.234.0416	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp chữ L 7 lỗ quay phải		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	635.000	635.000		10	
237	N07.06.040.5083.234.0416	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp chữ L 7 lỗ quay trái		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	635.000	635.000		10	
238	N07.06.040.5083.234.0236	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp chữ T 7 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	685.000	685.000		10	
239	N07.06.040.5083.234.0236	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp chữ T 9 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	685.000	685.000		10	
240	N07.06.040.5083.234.0293	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp lòng máng 6 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	245.000	245.000		10	
241	N07.06.040.5083.234.0293	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp lòng máng 8 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	245.000	245.000		10	
242	N07.06.040.5083.234.0283	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp móc xích (nẹp định hình) 5 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	595.000	595.000		10	
243	N07.06.040.5083.234.0283	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp móc xích (nẹp định hình) 7 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	595.000	595.000		10	
244	N07.06.040.5083.234.0283	Nẹp Dừng Trong Phẫu Thuật Xương Các Loại	Nẹp móc xích (nẹp định hình) 9 lỗ		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	595.000	595.000		10	

STT (*)	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trúng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
247	N07.06.040.5083.234.0366	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xóp 6.5mm x 85mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	118.000	118.000		20	
248	N07.06.040.5083.234.0369	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 3.5mm x 20mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		30	
249	N07.06.040.5083.234.0369	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 3.5mm x 30mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		30	
250	N07.06.040.5083.234.0379	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4.5mm x 30mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		50	
251	N07.06.040.5083.234.0379	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4.5mm x 34mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		80	
252	N07.06.040.5083.234.0379	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4.5mm x 38mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		80	
253	N07.06.040.5083.234.0379	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4.5mm x 42mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		80	
254	N07.06.040.5083.234.0379	Vít dùng trong phẫu thuật	Vít xương 4.5mm x 44mm		Quy cách: Bì 01 cái	Orthon Innovations - Pakistan	Pakistan	Cái	52.000	52.000		80	



GIÁM ĐỐC

Phan Đình Đông

NGƯỜI LẬP BẢNG

LÊ THỊ LINH HUYỀN